

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13/08/2013)



### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 95/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2014)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY .../.../2014 TẠI :**

#### 1. Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường

##### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4277/ (061) 351 4279
- Fax: (061) 351 4276
- Email : [cbtt@sametel.com.vn](mailto:cbtt@sametel.com.vn)
- Website: <http://sametel.com.vn>

##### Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3551 3733 / (08) 3551 3732
- Fax: (08) 3551 5164 / (08) 3551 3735

#### 2. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

##### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3773 7070
- Fax: (04) 3773 9058
- Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

##### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 6290 8686
- Fax: (08) 6291 0560

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Trần Văn Dương**

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Số Điện thoại: 0913.724.039

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13/08/2013)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Tổng số lượng chào bán:** 923.445 cổ phần
- **Tổng giá trị chào bán:** 9.234.450.000 đồng
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Địa chỉ: Số 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3910 3908/(08) 3910 4881 Fax: (08) 3910 4880

Website: <http://aascn.com.vn>

### TỔ CHỨC TƯ VẤN



**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)**

Địa chỉ: Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058

Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

## MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	9
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	54
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....	59
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	60
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	61
IX. PHỤ LỤC .....	63

## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

#### **1. Rủi ro về kinh tế**

Năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP là 5,42%, tuy mức tăng trưởng này chưa đạt mục tiêu đề ra là 5,5% nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012, GDP 9 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,62% so với cùng kỳ năm 2013. Lạm phát năm 2013 tiếp tục được kiềm chế, chỉ số giá tiêu dùng CPI 2013 tăng 6,04%, CPI bình quân 9 tháng đầu năm nay tăng 4,61% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Năm 2013 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây. Tuy nhiên lạm phát thấp là do tổng cầu yếu, người dân phải thắt chặt chi tiêu. Đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, sản xuất đình đốn, hiệu quả đầu tư thấp, tỷ lệ nợ xấu vẫn tăng cao. Điều này cho thấy nền kinh tế có dấu hiệu khôi phục chậm, tác động trực tiếp tình hình tiêu dùng và nhu cầu sử dụng hàng hóa và do đó ảnh hưởng tới Công ty cũng như các doanh nghiệp trong ngành.

Công ty hiện tại là nhà cung cấp các giải pháp về Viễn thông và Điện lực, các sản phẩm được làm từ nguyên liệu Composite phục vụ cho ngành viễn thông, điện và công nghiệp. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ bởi các công ty viễn thông, điện lực... phục vụ công trình mạng lưới điện thoại, công trình xây dựng cao ốc, nhà ở. Do vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp, tình hình lạm phát,... ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **2. Rủi ro về luật pháp**

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, Chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến tổ chức niêm yết. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty. Với lộ trình hội nhập vào WTO thì hệ thống pháp lý Việt Nam sẽ phải hoàn thiện cho phù hợp với các chuẩn mực pháp lý thế giới, các Công ty có cơ hội hoạt động kinh doanh với cơ chế thông thoáng hơn, minh bạch và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, Công ty là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu trong ngành Viễn thông và Điện lực nên Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng từ các chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực này. Do đó, hoạt động kinh doanh của công ty cũng chịu những ảnh hưởng khi Nhà nước có sự điều chỉnh trong chính sách ngành.

### **3. Rủi ro đặc thù**

- *Rủi ro về tỷ giá:* Phần lớn các nguyên liệu của Công ty đều phải nhập khẩu. Công ty thanh toán các đơn hàng nhập khẩu nguyên liệu bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, tỷ giá đồng USD tăng 1,3% (giá mua vào ngày 31/12/2013: 21.085 đồng/USD tại ngân hàng Vietcombank). Điều này ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu làm tăng giá vốn hàng bán. Để giảm thiểu rủi ro chênh lệch tỷ giá, Công ty đã đẩy mạnh việc xuất khẩu hàng sang các nước khác nhằm gia tăng thêm nguồn ngoại tệ.
- *Rủi ro về các yếu tố đầu vào:* Giá sắt, thép biến động tỷ lệ thuận với giá kim loại mạnh. Ngoài ra các loại nhựa dùng để bọc cáp và sản xuất tủ hộp cũng bị ảnh hưởng và biến động rất lớn bởi giá thế giới; do đó việc tăng giá hay giảm giá của các loại vật tư chính này sẽ ảnh hưởng tới giá cả và sản lượng tiêu thụ của Công ty.
- *Rủi ro cạnh tranh:* Mặt hàng cáp và vật liệu viễn thông trên thị trường hiện nay chủ yếu cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ chính như Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Điện lực (EVN), Viettel, SPT, FPT,... do đó việc phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thông qua đấu thầu trong khi đó cạnh tranh trong đấu thầu ngày càng gia tăng khi hầu hết các doanh nghiệp đều cố gắng hạ giá chào thấp nhất. Mặt khác, theo tiến trình hội nhập và mở cửa kinh tế thì những rào cản đối với những sản phẩm cáp nhập khẩu cũng được gỡ bỏ đồng thời với sự góp mặt ngày càng nhiều của các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực sản xuất cáp càng làm gia tăng thêm áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành.

### **4. Rủi ro từ đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành**

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là rất thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành là cổ đông hiện hữu. Nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh của Công ty. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán. Tuy nhiên, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, lãnh đạo CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cũng đã cam kết sẽ chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu không bán hết cho các đối tượng phù hợp.

### **5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu**

- ❖ Việc phát hành thêm cổ phần sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu. Ngoài ra, việc đưa thêm vốn vào hoạt động kinh doanh chưa mang lại doanh thu và lợi nhuận tương ứng nhưng tổng số lượng cổ phần lưu hành so với hiện tại tăng lên vì thế chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có khả năng sẽ giảm so với trước khi phát hành.

- ❖ Cụ thể, trong đợt phát hành này, Công ty chào bán 923.445 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 30% so với số cổ phiếu hiện đang lưu hành. Giá cổ phiếu sau khi thực hiện chào bán có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- ❖ Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

***Trong đó:***

- $P_{tc}$  : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định
- $PR_{t-1}$ : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày dịch không hưởng quyền
- $PR$  : là giá phát hành

***Ví dụ :*** Giả sử giá cổ phiếu SMT vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu ( $PR_{t-1}$ ). Tổng số lượng cổ phần phát hành là 923.445 cổ phần. Giá chào bán là 10.000 đồng/cp.

Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 3.078.153 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(20.000 \times 3.078.153) + (10.000 \times 923.445)}{(3.078.153 + 923.445)} = 17.692 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của SMT cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của SMT.

- ❖ Tuy nhiên, rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sau đợt phát hành.

## **6. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là các rủi ro về hỏa hoạn. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

#### CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

- Ông **Phạm Ngọc Tuấn** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Nguyễn Thiện Cảnh** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông **Trần Văn Dương** Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà **Phạm Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Ông **Nguyễn Văn Trung** Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Giấy ủy quyền số 81-2013/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 27 tháng 12 năm 2013


Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

- UBCKNN : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Công ty/ SMT : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- FPT : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- CP : Cổ phần
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- Thành viên chủ chốt : Thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT Công ty Cổ Phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Người có liên quan : Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên chủ chốt Công ty Cổ Phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- BCTC : Báo cáo tài chính
- Tổ chức chào bán : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- Tổ chức kiểm toán : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
- VDL : Vốn điều lệ
- VNĐ : Việt Nam đồng
- TSCĐ : Tài sản cố định



**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****1. Giới thiệu về công ty**

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
- Tên tiếng Anh : SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM CORPORATION
- Tên viết tắt : SAMETEL
- Logo : 
- Vốn điều lệ : 30.781.530.000 VNĐ (*Ba mươi tỷ bảy trăm tám mươi một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*)
- **Trụ sở chính** : Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (061) 351 4277/ (061) 351 4279
- Fax : (061) 351 4276
- **Văn phòng đại diện tại TP.HCM** : 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3551 3733/ (08) 3551 3732
- Fax : (08) 3551 5164/ (08) 3551 3735
- Email : [cbtt@sametel.com.vn](mailto:cbtt@sametel.com.vn)
- Website : <http://sametel.com.vn>
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh : số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13/08/2013

**✚ Ngành nghề kinh doanh chính**

- + Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất lắp ráp các thiết bị viễn thông;
- + Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi: Thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy;
- + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Bán buôn, xuất nhập khẩu: thiết bị viễn thông;
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- + Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn, xuất khẩu: thiết bị, nguyên vật liệu điện;

- + Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ, xuất nhập khẩu: thiết bị viễn thông;
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn, xuất nhập khẩu: hàng kim khí điện máy;
- + Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- + Hoàn thiện công trình xây dựng: Trang trí nội thất;
- + Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- + Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, khuôn mẫu (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại);
- + Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: sản xuất kinh doanh các sản phẩm khung nhôm, trần nhôm, trần kim loại.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

### Năm 2006

Công ty Cổ phần Sam Cường được thành lập từ ngày 20 tháng 10 năm 2006, được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông - thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty SACOM góp vốn 30% trên cơ sở chuyển giao công nghệ, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân, dây chuyền sản xuất, công nghệ.....

### Năm 2008

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 4123005114 ngày 12/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Năm 2009 và những năm tiếp theo

Công ty tiếp tục tăng số loại sản phẩm phục vụ cho ngành điện và viễn thông. Về các sản phẩm cáp quang và phụ kiện quang, Công ty đã phát triển các sản phẩm đa dạng hơn để đáp ứng cơ bản nhu cầu của thị trường về quang. Ngoài ra còn tiếp tục phát triển các sản phẩm composite phục vụ cho các ngành khác ngoài ngành điện lực và viễn thông.

### Năm 2010

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận niêm yết số 291/QĐ-SGDHN ngày 26/05/2010 của Sở GDCK Hà Nội. Ngày 30/07/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường trên Sở Giao dịch

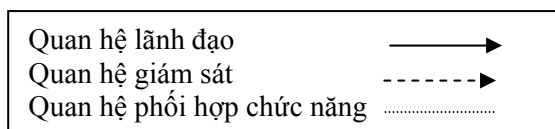
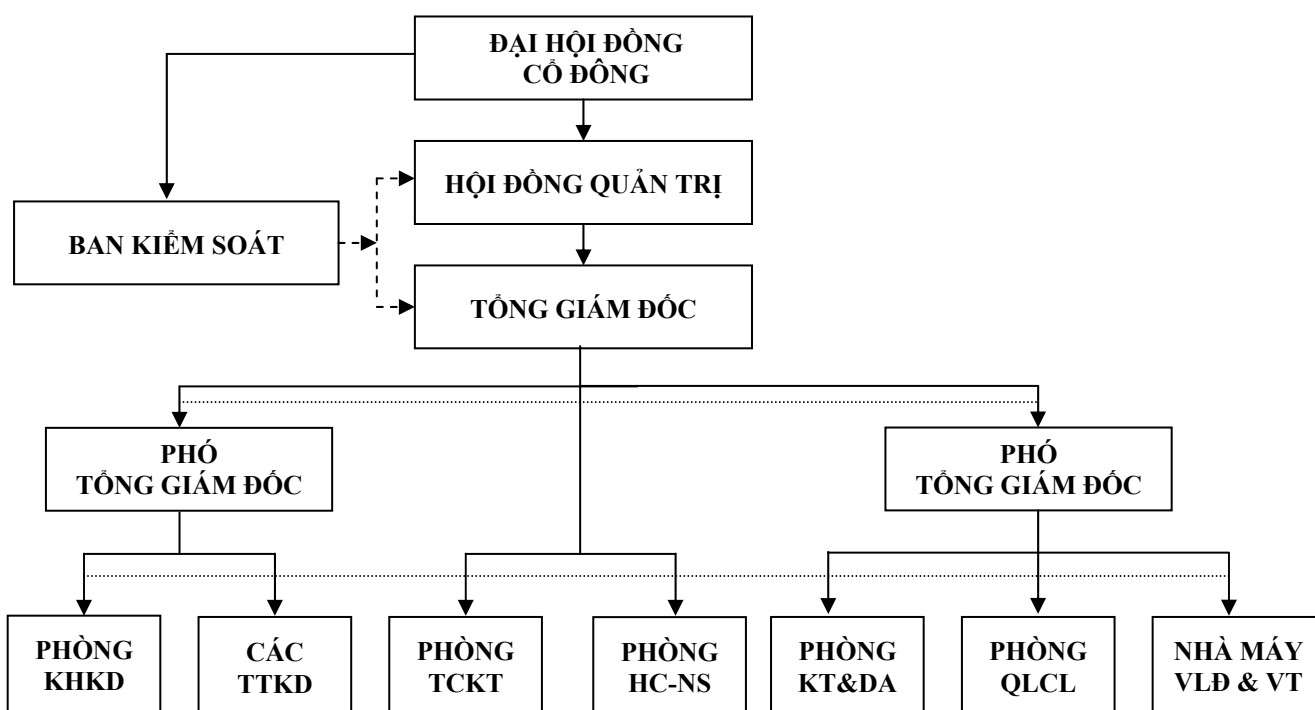
Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SMT.

**Đến nay**

Công ty tiếp tục khẳng định được vị trí của mình đối với thị trường ngành Viễn thông và Điện lực; thông qua các sản phẩm đạt chất lượng nhất là các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite.

### 3. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

- Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định theo Luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các quy định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty được trình bày theo sơ đồ dưới đây.



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế, nội quy khác của Công ty cụ thể như sau:

#### ➤ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm

một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:

- Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Bầu, bãi miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.

➤ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện tại có năm (05) người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là năm (05) năm phù hợp với quy định Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có các quyền hạn sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ **Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo báo cáo quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Ban

kiểm soát Công ty hiện tại có ba (03) người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là năm (05) năm, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ **Ban Tổng giám đốc Công ty**

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc Công ty có ba (03) người, gồm: một (01) Tổng giám đốc và hai (02) Phó Tổng giám đốc.

- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
  - Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - Và các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

- **Phó Tổng Giám đốc:** Là cán bộ quản lý nghiệp vụ chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc trên các lĩnh vực kỹ thuật, sản xuất, quản lý chất lượng... giúp việc trực tiếp cho Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.
- **Các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc:**
  - **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

Phòng Kế hoạch kinh doanh tham mưu các vấn đề liên quan đến:

    - Nghiên cứu và xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;
    - Triển khai thực hiện công tác kinh doanh;
    - Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp, mua sắm vật tư sản xuất;
    - Thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, khách hàng, sản phẩm...xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình tiếp thị của Công ty;
    - Nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới.
  - **Trung tâm Kinh doanh**

Triển khai thực hiện việc kinh doanh các sản phẩm địa bàn và khúc thị trường được giao. Hỗ trợ khách hàng và giải quyết khiếu nại.
  - **Phòng Tài chính Kế toán**
    - Phòng Tài chính kế toán có chức năng tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán tuân thủ các nguyên tắc kế toán hiện hành;
    - Lập kế hoạch tài chính - đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn cho Công ty;
    - Thực hiện việc thanh toán, thu hồi công nợ kịp thời;
    - Tổ chức tự kiểm tra định kỳ về tình hình chấp hành các quy định của Nhà nước và Công ty về quản lý tài chính - tín dụng.
    - Thực hiện nhiệm vụ phân tích các thông tin Kinh tế - Tài chính - Tín dụng, lập báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lập báo cáo công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật.
    - Phụ trách các mảng công việc liên quan đến cổ đông và cổ phiếu của Công ty.
  - **Phòng Hành chính - Nhân sự**

Tham mưu về công tác nhân sự, tiền lương và các chế độ đối với người lao động. Chịu trách nhiệm, tổ chức và giám sát việc thực hiện các công việc liên quan đến công tác hành chính, phòng cháy chữa cháy, y tế và bảo vệ an ninh trật tự của Công ty.

- **Phòng Kỹ thuật và Dự án**

Tham mưu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ sản xuất, nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới. Chịu trách nhiệm trực tiếp về máy móc thiết bị, hệ thống điện, khuôn mẫu cơ khí, kỹ thuật và công nghệ sản xuất của tất cả các sản phẩm mà Công ty sản xuất và cung cấp.

- **Phòng Quản lý chất lượng**

Phòng Quản lý chất lượng tham mưu về tất cả các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư sản xuất của Công ty. Nhằm tạo ra sự ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua sự đo lường, phân tích và cải tiến. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- **Nhà máy Vật liệu Điện và Viễn thông**

Là đơn vị trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm: thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cũng như chất lượng sản phẩm của từng đối tượng khách hàng.

#### **4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại**

##### **4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CN ĐKKD	Số lượng (CP)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	3600253537	1.001.700	10.017	32,54
	- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Kiểu		023067960	0	0	0
2	AFC VF LIMITED	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd., 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	CA6761	172.700	1.727	5,61
	- Người đại diện: Ông Andreas Karall		P6624624	152.910	1.529,1	4,97
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.327.310</b>	<b>13.273,1</b>	<b>43,12</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường ngày 22/01/2014)

##### **4.2 Danh sách cổ đông sáng lập**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13/08/2013.





Đợt 3	Năm 2013	146.429	1.464.290.000	+ Phát hành cổ phiếu để chi trả 5% cổ tức năm 2012 + Nguồn phát hành: từ lợi nhuận sau thuế năm 2012	UBCKNN
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.078.153</b>	<b>30.781.530.000</b>		

## 7. Hoạt động kinh doanh

### 7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

#### ✚ Sản phẩm, dịch vụ chính

- Các sản phẩm phục vụ ngành viễn thông:
  - + Tủ, hộp cáp ABS, Composite các loại.
  - + Cáp và phụ kiện quang: Cáp quang, dây thuê bao quang, Tủ phối quang tập trung trong nhà và ngoài trời dung lượng đến 960FO, hộp ODF, dây nhảy, dây nối, mạng xông quang.
  - + Các sản phẩm khác: Modem ADSL, hộp đầu dây, mạng xông cáp đồng.
- Tủ cáp điện lực composite, sắt sơn tĩnh điện phục vụ ngành điện lực, viễn thông: tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... đủ các loại, kích cỡ theo nhu cầu của khách hàng.
- Và các sản phẩm dân dụng khác từ nguyên liệu composite.

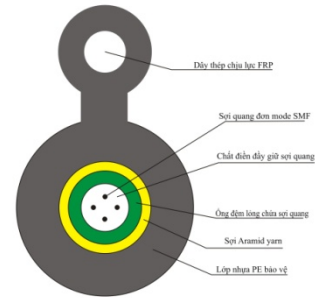
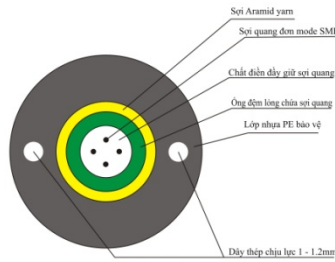
#### ✚ Hình ảnh một số sản phẩm chính

#### MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH



- Tủ phối quang ngoài trời bằng vật liệu Composite hoặc sắt sơn tĩnh điện. Dung lượng tối đa 480FO.
- ODF tập trung dung lượng tối đa 960FO.
- Tủ điện lực: Tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... bằng vật liệu Composite hoặc sơn tĩnh điện.

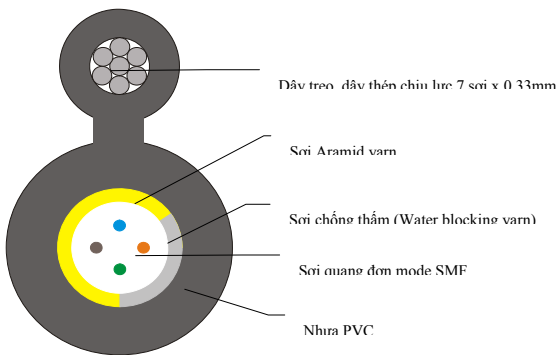
### CÁP THUÊ BAO QUANG



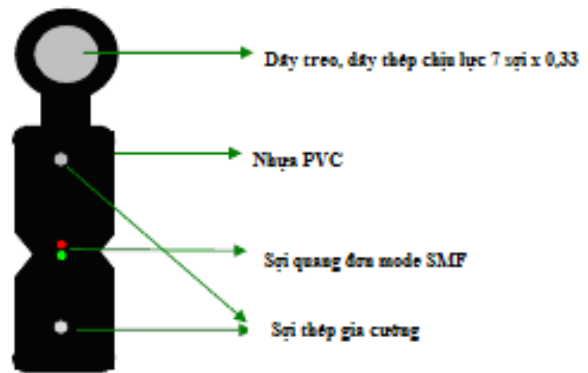
Cáp thuê bao quang ngầm, treo dung lượng 2-4FO có aramid yarn

Cáp truy nhập ngầm (DAC) dung lượng 4FO có aramid yarn

Cáp truy nhập FTTH dung lượng 2-4FO có aramid yarn



Cáp quang treo bọc trực tiếp



Cáp quang treo hình số 8 bọc trực tiếp

### DÂY NỐI QUANG – DÂY NHẢY QUANG



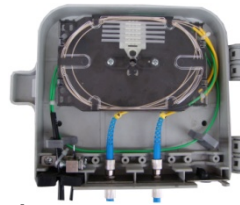
### CÁC LOẠI ADAPTOR



## TỦ - HỘP PHỐI QUANG



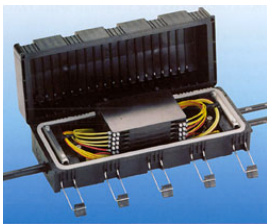
Hộp ODF các loại



Hộp phối quang tại thuê bao



Tủ phối quang ngoài trời



Mảng xông quang



Converter quang điện



Optical Splitter

## PHỤ KIỆN CÁP ĐỒNG



Hộp cáp ABS dung lượng  
từ 10P-100P



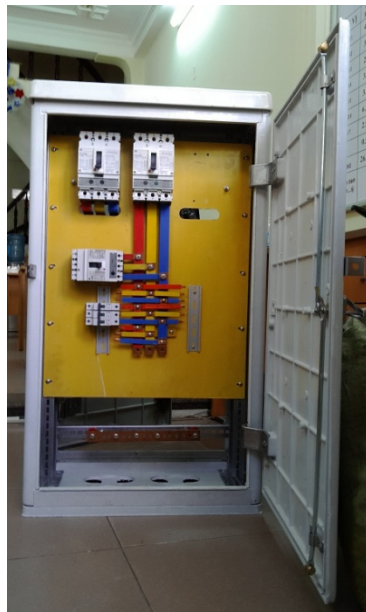
Tủ cáp CPS dung lượng từ 100P-2400P

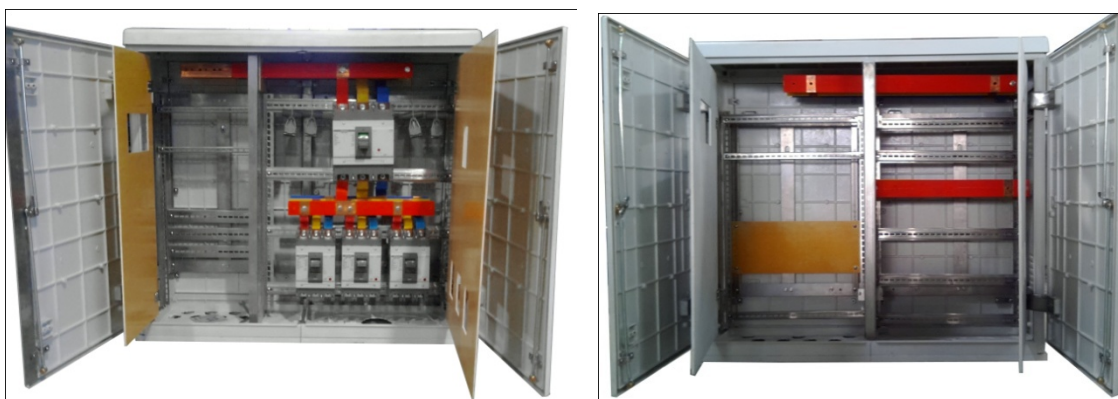
## TỦ ĐIỆN LỰC



Tủ đảo nguồn

Tủ đóng cắt động cơ





Tủ điện 3 pha lắp đặt điện kế và CB

**Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm/dịch vụ qua các năm**

*DVT: 1.000 đồng*

STT	Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Cáp quang thuê bao	51.174.240	64,53	109.528.897	73,51	89.603.417	61,61
2	Tủ phân phối điện lực	6.021.907	7,59	10.690.832	7,18	13.605.654	9,35
3	Tủ, hộp phối cáp viễn thông	7.575.496	9,55	6.959.563	4,67	12.316.732	8,47
4	Hoạt động thương mại	14.534.702	18,33	21.812.821	14,64	29.916.377	20,57
	<b>Tổng cộng</b>	<b>79.306.345</b>	<b>100</b>	<b>148.992.113</b>	<b>100</b>	<b>145.442.180</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012, 2013 và BCTC Quý III/2014)*

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, doanh thu nhóm sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn là: nhóm Cáp quang thuê bao chiếm 73,51% doanh thu thuần năm 2013, và chiếm 61,61% trong 9 tháng đầu năm 2014; nhóm Tủ phân phối điện lực chiếm 7,18% doanh thu thuần năm 2013, và chiếm 9,35% trong 9 tháng đầu năm 2014. Các dòng sản phẩm này chiếm trung bình khoảng 70 - 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty, đây là các dòng sản phẩm chủ lực của công ty. Trong khi đó, doanh thu các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chia nhau trong nhóm tỷ trọng 20% - 30% còn lại.

**7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành**

**Tình hình thực hiện công tác đầu tư trong năm 2013**

TT	Dự án đầu tư	ĐVT	Giá trị theo HD/ quyết định đầu tư	Giá trị đã thực hiện 2013	Ghi chú
1	Khuôn mẫu cho sản phẩm CPS	Tr.đ	1.097	259	Đang thực hiện
2	Nâng cấp và đổi mới công nghệ	Tr.đ	974	706	
2.1	Máy cơ khí	Tr.đ	362	362	Đã hoàn thành
2.2	Nâng tốc độ dây chuyền ống lồng	Tr.đ	612	344	Đang thực hiện
3	<b>Mở rộng năng lực sản xuất cáp quang</b>		<b>106.000 USD và 3.132 Tr.đ</b>	<b>106.000 USD và 1.240 Tr.đ</b>	
3.1	Máy nén khí	Tr.đ	357	357	Đã hoàn thành
3.2	Đầu bọc dây chuyền FTTH 60	Tr.đ	211	211	Đã hoàn thành
3.3	Dây chuyền bọc FTTH phi 45	Tr.đ	545	545	Đã hoàn thành
3.4	Dây chuyền bọc chặt		106.000 USD và 450 Tr.đ	106.000 USD	Đang thực hiện
3.5	Dây chuyền bọc FTTH phi 80	Tr.đ	1.569	127	Đang thực hiện
4	<b>Đầu tư khác</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>347</b>	<b>347</b>	
4.1	Xây dựng mở rộng văn phòng NM	Tr.đ	139	139	Đã hoàn thành
4.2	Nhà tập thể giai đoạn 2	Tr.đ	208	208	Đã hoàn thành
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>USD</b>	<b>106.000</b>	<b>106.000</b>	
		<b>Tr.đ</b>	<b>5.550</b>	<b>2.552</b>	

Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.

- Hệ thống hạ tầng của Công ty được xây dựng trên diện tích đất 12.709,6 m<sup>2</sup>, đến nay đã triển khai xây dựng nhà xưởng với diện tích 2.701 m<sup>2</sup>, ngoài ra còn nhà kho, nhà bảo vệ, nhà xe,.. với tổng diện tích 280 m<sup>2</sup>. Đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất trong giai đoạn hiện tại.
- Máy móc thiết bị:
  - + Thiết bị cơ khí: máy chấn, máy dập, máy cắt, máy tiện các loại.
  - + Thiết bị ép: máy ép composite các loại.
  - + Thiết bị quang: Dây chuyền làm ống lồng chứa sợi quang và các dây chuyền bọc dây thuê bao quang, cáp quang.

- + Trạm biến áp phục vụ quản lý và sản xuất: 1500KVA.
- + Hệ thống thiết bị phụ trợ: máy nén khí, máy đo quang OTDR.
- Và các phương tiện vận chuyển đủ đáp ứng nhu cầu của Công ty.

#### **Kế hoạch đầu tư**

Kế hoạch đầu tư năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua:

TT	Dự án đầu tư	ĐVT	Tổng mức đầu tư năm 2014
1	Đầu tư máy ép nhựa CPS	USD	90.000
2	Khuôn mẫu cho sản phẩm CPS	Tr.đồng	1.500
3	Nhà xưởng giai đoạn 2 – block 1	Tr.đồng	4.000
4	Xe ô tô 7 chỗ ngồi	Tr.đồng	800
<b>Cộng</b>		<b>Tr.đồng</b>	<b>6.300</b>
		<b>USD</b>	<b>90.000</b>

### **7.3. Hoạt động Marketing**

#### **a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu**

Trong xu thế hội nhập phát triển, tính cạnh tranh ngày càng quyết liệt với càng ngày càng nhiều công ty trong và ngoài nước có tiềm lực kinh tế mạnh, kỹ thuật sản xuất hiện đại, công nghệ quản lý tiên tiến, thì các chính sách marketing nhằm tạo dựng thương hiệu là hết sức quan trọng.

Thương hiệu “SAMETEL” của Công ty đã được khách hàng chấp nhận, được đánh giá cao. Việc quảng bá thương hiệu được thực hiện qua giao tiếp ở các kỳ hội chợ triển lãm trong nước, qua các catalogue, truyền hình địa phương... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua thông tin của các ban ngành, mạng Internet và sự giới thiệu của các bạn hàng.

#### **b. Chính sách giá**

Ngoài việc đảm bảo chất lượng sản phẩm thì chính sách giá cả cũng phải hợp lý. Hơn nữa, giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất và quản lý không chỉ giúp Công ty quản lý tốt chất lượng sản phẩm mà còn giúp Công ty quản lý và tiết kiệm được các khoản chi phí; từ đó, giúp giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Do ảnh hưởng chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành và giá thường xuyên biến động, chiến lược chào giá bán hàng cũng thay đổi theo từng thời kỳ, từng khách hàng và từng thị trường. Để thực hiện việc kinh doanh sản phẩm có hiệu quả, Công ty đã chủ động phần đầu giảm giá thành bằng biện pháp tăng năng xuất sản xuất để tiết kiệm các chi phí cố định, tăng

tính cạnh tranh, giữ chữ “tín” trong kinh doanh, bảo đảm giữ được khách hàng, mở rộng thị trường và kinh doanh có hiệu quả.

Đối với các khách hàng là các đại lý và nhà phân phối lớn, Công ty luôn có những chính sách giá linh hoạt nhằm hỗ trợ và khuyến khích khả năng bán hàng của họ thông qua các chính sách như hỗ trợ chi phí vận chuyển, hoa hồng, chiết khấu, trợ giá, ưu đãi vốn,... nhằm tạo điều kiện cho họ kinh doanh đồng thời góp phần tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

### **c. Đẩy mạnh bán hàng**

Vấn đề xúc tiến thương mại đối với Công ty luôn được xác định là công việc thường xuyên. Việc đẩy mạnh bán hàng qua nhiều hình thức: thực hiện qua website, điện thoại hoặc bán hàng trực tiếp. Công ty luôn cố gắng đầu tư để nâng cao trình độ công nghệ thông tin liên lạc phục vụ cho công tác tìm kiếm khách hàng và xúc tiến thương mại. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác gặp gỡ giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới để mở ra các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình. Đối với việc tìm kiếm thị trường mới, Công ty thường xuyên cử các cán bộ đi tiếp thị ở các địa phương nhằm tạo cơ hội để các đối tác tiếp cận được với sản phẩm của Công ty.

### **7.4. Nhãn hiệu thương mại**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**

- Logo : 

Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với sản phẩm Viễn thông và của Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng khu vực 3 đối với các sản phẩm Điện lực và khác.

### **7.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

<b>T T</b>	<b>Số HĐ</b>	<b>Tên đối tác</b>	<b>Thời điểm ký HĐ</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Sản phẩm/ Nội dung HĐ</b>	<b>Giá trị HĐ (đồng)</b>	<b>Tình trạng</b>
1	350	VT An Giang	07/03/2014	2014	FTTH	670.560.000	Đã thực hiện
2	149	Viễn thông Bình Dương	06/05/2014	2014	FTTH	511.500.000	Đã thực hiện
3	112	Viễn thông Bình Phước	05/04/2014	2014	FTTH	409.200.000	Đã thực hiện
4	144	Viễn thông Tiền Giang	27/05/2014	2014	Tủ, hộp quang	476.904.263	Đã thực hiện
	161		03/06/2014	2014		537.717.290	
5	138	Viễn thông Bình	09/05/2014	2014	FTTH	315.700.000	Đã thực hiện



T T	Số HĐ	Tên đối tác	Thời điểm ký HĐ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Nội dung HĐ	Giá trị HĐ (đồng)	Tình trạng
		Định					
6	2105	Viễn thông Đà Nẵng	21/05/2014	2014	FTTH	714.010.000	Đã thực hiện
7	038	Cty CP Cấp và TB viễn thông	24/02/2014	2014	FTTH	4.540.800.000	Đã thực hiện
	108		12/04/2014	2014		9.081.600.000	
8	12	Cty CP DV & BCVT Sài Gòn	20/02/2014	2014	Cáp quang	1.873.499.760	Đã thực hiện
9	240501	Công ty Mạng lưới Viettel	24/05/2014	2014	MDF	893.492.050	Đã thực hiện
10	120	Công ty CP Xây lắp BĐ Miền Trung	15/04/2014	2014	FTTH	269.500.000	Đã thực hiện
11	1405S015	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26/05/2014	2014	Cáp quang	6.117.582.901	Đã thực hiện
12	1829	CN Công ty CP Viễn thông FPT	05/03/2014	2014	FTTH	742.500.000	Đã thực hiện
	3727		25/03/2014	2014	FTTH	742.500.000	
	5826		12/05/2014	2014	FTTH	742.500.000	
	A1E7		29/05/2014	2014	FTTH	1.237.500.000	Đang thực hiện
13	5727	Công ty CP Viễn thông FPT	13/05/2014	2014	FTTH	990.000.000	Đang thực hiện
14	001-ĐT (PL03)	Tổng công ty Viễn thông	09/07/2014	2014	Cáp quang	16.170.000.000	Đã thực hiện
	001-ĐT (PL04)	Viettel – CN Tập đoàn viễn thông quân đội	08/09/2014	2014	Cáp quang	18.480.000.000	Đang thực hiện
15	12305	Viễn thông Lâm Đồng	09/06/2014	2014	Tủ	1.029.804.710	Đang thực hiện
	12405		09/06/2014	2014	Quang	1.056.965.525	
16	MOZ/01/2014	Tổng công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel	15/09/2014	2014	Cáp quang	14.646.225.000	Đang thực hiện
<b>Tổng cộng</b>						<b>82.250.061.499</b>	

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

### 8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm 2013/2012	9 tháng 2014
Tổng giá trị tài sản	đồng	55.564.897.562	91.970.733.937	65,52%	114.829.628.351
Doanh thu thuần	đồng	79.306.345.429	148.992.113.164	87,87%	145.442.180.972
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	5.377.753.580	9.052.461.405	68,33%	7.997.664.366
Lợi nhuận khác	đồng	211.918.524	(139.122.106)	-165,65%	(86.607.690)
Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.589.672.104	8.913.339.299	59,46%	7.911.056.676
Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.279.804.259	7.992.303.925	51,38%	7.287.351.864
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	66,63%	46,22%		

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012, 2013 và BCTC Quý III/2014)

#### Các chỉ tiêu so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	TH 2013/TH 2012	TH 2013/KH 2013
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	79.306	148.992	92.000	187,87%	161,95%
Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	5.590	8.913	7.000	159,46%	127,33%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	5.280	7.992	6.500	151,38%	122,96%

(Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013)

Năm 2013, mặc dù nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn nhưng với kết quả hoàn thành vượt kế hoạch đã cho thấy sự nỗ lực của Người lao động, Ban điều hành và Hội đồng quản trị để đạt được những thành quả đáng khích lệ, đánh dấu một năm hoạt động hiệu quả. Doanh thu thuần năm 2013 đạt 148,99 tỷ đồng vượt 61,95% kế hoạch và tăng 87,87% cùng kỳ năm trước. Doanh thu thuần có xu hướng tăng qua các năm (năm 2011 tăng 21,97%, năm 2012 tăng 31,58% và năm 2013 tăng 87,87%) khẳng định sản phẩm của SMT đảm bảo về chất lượng và đã được khách hàng tin nhiệm sử dụng, thể hiện hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 8,91 tỷ đồng vượt 27,33% kế hoạch và tăng 59,46% cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế 2013 đạt 7,99 tỷ đồng vượt 22,96% kế hoạch và tăng 51,38% cùng kỳ năm trước.

Để đạt được kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng như vậy là do trong các năm qua Công ty đã thực hiện việc xây dựng đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên, nhân viên vận hành tay nghề cao cả về số lượng và chất lượng, đầu tư thiết bị và thực hiện phát triển các sản phẩm mới.

## **8.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013**

### **a. Những thuận lợi**

#### **❖ Chủ quan**

- Kết quả từ việc mở rộng thị trường và chuẩn bị các sản phẩm mới trong những năm trước đây.
- Duy trì và phát triển các khách hàng lớn của ngành Viễn thông và Điện lực đồng thời đã xuất khẩu ra nước ngoài.
- Xây dựng và duy trì được một lực lượng nhân sự quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh chuyên nghiệp, không ngừng được đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ và gắn bó với công ty.
- Không ngừng nâng cao chất lượng và năng suất sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

#### **❖ Khách quan**

- Sản phẩm của Sam Cường là sản phẩm cần thiết cho những hoạt động trang bị và xây dựng hạ tầng của các ngành Viễn thông và Điện lực nên dù tình hình kinh tế chung có khó khăn nhưng nhu cầu tiêu thụ không bị ảnh hưởng nhiều. Đặc biệt nhu cầu sản phẩm tủ điện lực composite cho ngành Điện lực ngày càng lớn và nhu cầu dây thuê bao quang trong nước và nước ngoài đang trong giai đoạn tăng.
- Tình hình kinh tế khó khăn trong các năm vừa qua vừa là thách thức vừa là cơ hội cho Sam Cường có thể đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị trường.

### **b. Những hạn chế và khó khăn:**

#### **❖ Chủ quan**

- Lạm phát những tháng đầu năm còn duy trì ở mức cao làm cho cuộc sống của người lao động vẫn còn gặp nhiều khó khăn.
- Một số chính sách và quy chế quy định của Công ty vẫn chưa hoàn chỉnh, bất cập nhất là các quy chế liên quan đến người lao động như Lương, thưởng, đánh giá... nên vẫn chưa tạo được động lực tốt cho người Lao động.
- Ba trụ cột của hệ thống: Kinh doanh – Kỹ thuật – Sản xuất chưa đồng bộ nên hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt được hiệu quả cao, nhất là các bộ phận kỹ thuật và sản xuất.

- Nguồn vốn của Công ty hạn hẹp, lãi suất ngân hàng các tháng đầu năm cao dẫn đến chi phí tài chính cao, có lúc gây căng thẳng về việc đáp ứng các nhu cầu SXKD, nhất là việc nhập nguyên vật liệu cho sản xuất.
- Việc quản lý sản xuất vẫn chưa đạt yêu cầu dẫn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng cao, điều này đưa đến nhu cầu phải cải tiến lại cơ cấu tổ chức và quản lý Nhà máy.

❖ *Khách quan*

- Tình hình kinh tế trong nước phục hồi chậm, sức mua và dung lượng thị trường chưa có nhiều chuyển biến so với các năm trước nhất là ở thị trường VNPT.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng cao đã kéo giá đầu ra xuống mức thấp.
- Giá các vật tư trong nước (Điện, Vận tải, bao bì..) tăng từ 5% đến 20%.
- Lãi vay có giảm vào cuối năm nhưng bình quân lãi vay trong năm vẫn ở mức cao: 9,5% (từ mức 12,5% xuống 8,5%).
- SXKD của nền kinh tế trong những năm vừa qua bị đình trệ, tồn kho cao, tính thanh khoản xã hội thấp, công nợ khó đòi và dư nợ lớn.

## **9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **a. Vị thế của Công ty trong ngành**

Mặc dù Công ty chỉ mới thành lập được tám năm, nhưng được sự hỗ trợ của các khách hàng cũng như cổ đông lớn, cùng với sự định hướng sát sao của HĐQT, sự nhạy bén của Ban giám đốc và sự nỗ lực công tác của người lao động trong Công ty nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty rất khả quan. Đến nay Công ty đã tiếp tục khẳng định được vị trí của mình đối với thị trường ngành Viễn thông và Điện lực; thông qua các sản phẩm đạt chất lượng nhất là các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite.

Với việc đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại, được vận hành bởi đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên, nhân viên vận hành tay nghề cao, Công ty đã cho ra những sản phẩm có chất lượng cao và có uy tín nhất trên thị trường hiện nay và đã khẳng định được chỗ đứng vững chắc trên thị trường về việc cung cấp các sản phẩm dây cáp phục vụ cho ngành điện và viễn thông.

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập trên cơ sở cổ phần Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (Sacom), do đó được thừa hưởng kinh nghiệm và mạng lưới khách hàng cũng như nhà cung cấp uy tín. Đến nay, Công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có tính chuyên nghiệp cao và có được lượng khách hàng đông đảo. Công ty có được sự cung cấp nguyên vật liệu ổn định và về số lượng, chất lượng và chủng loại từ các nhà cung cấp lớn trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, Công ty hoạt động có uy tín nên sẵn sàng nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ về tín dụng của các ngân hàng thương mại.

**❖ Thế mạnh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

- Công ty được thừa hưởng kinh nghiệm và mạng lưới khách hàng cũng như nhà cung cấp uy tín, đồng thời tạo được một thương hiệu tốt trong lĩnh vực sản xuất các vật liệu phục vụ cho ngành Viễn thông và Điện lực.
- Đội ngũ CBCNV của công ty đã tiến bộ, trưởng thành và ổn định.
- Công ty đã cơ bản hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, mô hình quản lý hoạt động ổn định và hiệu quả.
- Tiềm năng đầu tư xây dựng hạ tầng tại Việt nam còn rất lớn tạo cơ hội cho Công ty tham gia cung cấp sản phẩm cho các công trình xây dựng dân dụng điện lực và viễn thông.

**b. Triển vọng phát triển của ngành****❖ Thị trường viễn thông**

Phương hướng phát triển thông tin liên lạc của Việt Nam là đẩy nhanh tốc độ phát triển bưu chính viễn thông trên cơ sở công nghệ hiện đại: số hóa, cáp quang hóa, tự động hóa, tin học hóa, bằng kỹ số quang học với những công nghệ tiên tiến để có những dung lượng lớn, tốc độ cao. Xuất phát từ định hướng của Bộ Bưu chính – Viễn thông, nhu cầu sử dụng cáp thông tin hàng năm hiện nay khá lớn nhất là cáp thuê bao quang. Bên cạnh đó, tại một số khu vực, mạng cáp đang xuống cấp nghiêm trọng, chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp và đặt cáp mới.

Theo “Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020” do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đến 2010, ngành công nghiệp CNTT & TT sẽ trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn có tốc độ tăng trưởng 20-30%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 6-7 tỷ USD. Cơ sở hạ tầng viễn thông và Internet sử dụng công nghệ hiện đại, phát triển nhanh, đa dạng hóa, cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ chất lượng cao với giá cước thấp hơn hoặc tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực...

**c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Đối với triển vọng phát triển của ngành, định hướng của SMT là lấy sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm chất lượng cao làm trọng tâm, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam cũng như ngành điện Việt Nam trong thời kỳ tới. Bên cạnh đó, với chính sách của Nhà nước là phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam sẽ trở thành một nước công nghiệp, để hoàn thành mục tiêu này thì chính sách về phát triển năng lượng quốc gia và hạ tầng Viễn thông phải được ưu tiên hàng đầu. Đây cũng là xu hướng chung của các nước đang phát triển khác trên thế giới.

## 10. Chính sách đối với người lao động

### 10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Cơ cấu lao động theo trình độ (cập nhật đến ngày 30/09/2014) được thể hiện ở bảng sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>128</b>	<b>100</b>
1	Trình độ trên đại học	0	0
2	Trình độ đại học	40	31,25
3	Trình độ cao đẳng	20	15,63
4	Khác	68	53,13
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>128</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	66	51,56
2	Hợp đồng có thời hạn	62	48,44
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>128</b>	<b>100</b>
1	Nam	101	78,91
2	Nữ	27	21,09

(Đến ngày 30/09/2014)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2013	Tỷ lệ 2013/ 2012	30/09/2014
Tổng số lượng lao động	người	82	106	129,27%	128
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	6,5	8,2	126,15%	8,5

### 10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

#### ❖ Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương, thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn.

Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng người lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### ❖ Chính sách đào tạo

Công ty xác định yếu tố “con người” quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Trên quan điểm này, mặc dù là một đơn vị sản xuất nhưng Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao tay nghề, nhận thức được trách nhiệm và quyền lợi của mình từ trong việc làm cụ thể, từ đó tránh được những sai sót, tăng hiệu quả cho doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng đào tạo cho người lao động về nếp sống văn

hóa, xây dựng thói quen về ý thức bảo vệ môi trường, tác phong làm việc trong sản xuất công nghiệp... Đối với nhân viên mới, sau khi tuyển dụng các kỹ sư, công nhân viên đều được đào tạo các yêu cầu, mục tiêu, những qui định trong thực tế sản xuất, kinh doanh và tác nghiệp.

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như phổ biến nội quy, quy định của Công ty, các quy định của pháp luật đối với quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động. Việc đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, kiểm tra giám sát việc thực hiện đúng các quy trình, quy phạm trong sản xuất trở thành hoạt động thường xuyên trong hoạt động hàng ngày từ đội ngũ quản lý kỹ thuật đến người công nhân. Công ty xem đây là một trong những nội dung thi đua hàng tháng có chi phối đến quyền lợi của từng người.

Hàng năm, việc xét nâng bậc lương cho người lao động được thực hiện trên cơ sở kiểm tra sát hạch sự hiểu biết công việc và thành thạo tay nghề của người lao động. Công ty tổ chức các lớp đào tạo, phân công cán bộ kỹ thuật hướng dẫn lý thuyết và tay nghề cho công nhân, gọi cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và công nhân đi dự các khóa học chuyên ngành về các máy móc thiết bị đặc thù, chuyên môn...

#### ❖ Chính sách tiền lương

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Muốn giữ được người lao động giỏi nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thì Công ty cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phù hợp. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng *Quy chế tiền lương, thưởng* được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Tiền lương đang áp dụng theo 2 hình thức trả lương:

- Đối với khối gián tiếp, phục vụ trả lương theo định mức do Hội đồng lương xây dựng và trình Giám đốc quyết định.
- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất trả lương theo khoán theo kết quả khối lượng công việc được giao.

Thu nhập bình quân của người lao động Công ty năm 2013 là 8,2 triệu đồng/người/tháng tăng 26,15% so với năm 2012. Đồng thời, nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp tăng năng xuất, chất lượng hoàn thành công việc, Công ty thường xuyên tổ chức phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo và sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm đạt được mục tiêu “*Năng suất, chất lượng, giảm chi phí hạ giá thành và hiệu quả*”. Hàng năm, tổ chức tổng kết phong trào thi đua và khen thưởng như thưởng sáng kiến, thưởng các danh hiệu *Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp ngành, cấp bộ....*

#### ❖ Chính sách thưởng

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm qua

các hình thức: tặng bằng khen, giấy khen, quà thưởng... để động viên phong trào lao động sản xuất tại Công ty.

#### ❖ Chính sách trợ cấp

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật lao động, ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận.

#### ❖ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty tổ chức và đài thọ chi phí cho CBCNV Công ty đi tham quan, du lịch, nghỉ mát ít nhất 1 lần/năm nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể gắn bó mọi người lại với nhau. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan nghỉ dưỡng học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức và sự hiểu biết.

Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hi...

Công ty quan tâm đến môi trường làm việc và cảnh quan môi trường ở cơ quan, cơ sở sản xuất. Điều kiện nơi làm việc tại phân xưởng được nâng cấp hàng năm, xung quanh nhà xưởng nhà làm việc đều có cây xanh, cây cảnh để tạo sự gắn kết của cán bộ công nhân viên đến Công ty.

### 11. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty sau khi phân bổ cho các quỹ (quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển...), sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông trong các năm như sau:

#### Tình hình thực hiện phân phối cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	%	12	12
Mệnh giá	đồng	10.000	10.000
Hình thức chi trả	Trong đó: chi cổ tức bằng cổ phiếu		Tiền mặt



5%, chi cổ tức bằng tiền mặt 7%

Thực hiện chi trả	Đã thực hiện chi trả	Chưa thực hiện chi trả
-------------------	----------------------	------------------------

## 12. Tình hình tài chính

### 12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

##### Báo cáo vốn điều lệ

#### Vốn điều lệ của Công ty qua các năm

*ĐVT: đồng*

STT	Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Vốn điều lệ
1	GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4703000342	20/10/2006	25.000.000.000
2	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 1 số: 3600850734	12/05/2011	27.657.870.000
3	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 2 số: 3600850734	31/10/2011	27.657.870.000
4	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 3 số: 3600850734	14/12/2011	29.317.240.000
5	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 4 số: 3600850734	23/07/2012	29.317.240.000
6	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 5 số: 3600850734	13/08/2013	30.781.530.000

*(Nguồn: CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường)*

Từ khi thành lập đến nay, SMT đã trải qua ba lần thay đổi vốn điều lệ. Thông tin các đợt tăng vốn đã nêu tại mục 6 phần II của Bản cáo bạch.

##### Báo cáo tình hình vốn kinh doanh

#### Vốn kinh doanh qua các năm

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.317.240.000	30.781.530.000	30.781.530.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.594.668.628	1.849.668.628	2.249.283.628
3	Quỹ dự phòng tài chính	836.666.207	1.091.666.207	1.491.281.207
4	LNST chưa phân phối	6.042.244.125	8.286.173.250	12.146.681.114
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37.790.818.960</b>	<b>42.009.038.085</b>	<b>46.668.775.949</b>

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)*

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối (*nguồn quỹ dự phòng tài chính Công ty không dùng để*

*kinh doanh mà để dự phòng tài chính).*

**b. Trích khấu hao TSCĐ**

Công ty trích khấu hao Tài sản cố định theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

**➤ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	:	05 – 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	:	02 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải	:	02 – 08 năm
+ Thiết bị văn phòng	:	02 – 05 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**➤ Tài sản vô hình**

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

**c. Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2013 là 8,2 triệu đồng/người. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	6,5	8,2	8,5

**d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

**e. Các khoản phải nộp theo luật định**

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty đóng theo đúng quy định của pháp luật. Công ty thực hiện việc trích – nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, v.v... đầy đủ theo luật định.

*DVT: đồng*

Các khoản phải nộp	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Thuế GTGT	359.492.277	33.897.233	288.200.831
Thuế Nhập khẩu	-	-	95.237
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.875.419	204.294.433	275.926.310
Thuế thu nhập cá nhân	9.365.553	9.280.503	9.677.516
<b>Tổng cộng</b>	<b>483.733.249</b>	<b>247.472.169</b>	<b>573.899.894</b>

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)*
**f. Trích lập các quỹ theo luật định**

Số dư các Quỹ qua các năm:

*DVT: đồng*

Các quỹ	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Quỹ dự phòng tài chính	836.666.207	1.091.666.207	1.491.281.207
Quỹ đầu tư phát triển	1.594.668.628	1.849.668.628	2.249.283.628
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	451.531.440	797.573.681	1.563.583.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.882.866.275</b>	<b>3.738.908.516</b>	<b>5.304.148.594</b>

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)*

Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi... theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

**g. Tổng dư nợ vay**
*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
<b>I Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>7.598.307.801</b>	<b>15.654.938.923</b>	<b>39.987.451.232</b>
1 Vay ngắn hạn (*)	7.598.307.801	15.654.938.923	39.987.451.232
<i>Vay Ngân hàng Ngoại thương – CN Bến Thành</i>	<i>7.598.307.801</i>	<i>15.654.938.923</i>	<i>36.705.143.201</i>
<i>Vay Ngân hàng Tiên Phong – PGD. Nguyễn Oanh</i>	-	-	<i>3.282.308.031</i>
2 Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-

<b>II</b>	<b>Vay và nợ dài hạn</b>	-	-	<b>1.980.103.104</b>
1	Vay dài hạn (**)	-	-	1.980.103.104
	<i>Vay Ngân hàng Tiên Phong – PGD. Nguyễn Oanh</i>	-	-	<i>1.980.103.104</i>
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.598.307.801</b>	<b>15.654.938.923</b>	<b>41.967.554.336</b>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)

(\*) *Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Bến Thành và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – PGD Nguyễn Oanh để bổ sung vốn lưu động.*

(\*\*) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – PGD Nguyễn Oanh để đầu tư tài sản cố định.*

Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay theo như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, đến thời điểm hiện nay Công ty không có các khoản vay nào thuộc diện quá hạn.

#### **h. Tình hình công nợ hiện nay**

##### **➤ Các khoản phải thu**

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>24.140.863.958</b>	<b>34.698.836.170</b>	<b>60.207.293.190</b>
1	Phải thu khách hàng	24.089.387.741	34.777.660.000	58.575.871.885
2	Trả trước cho người bán	15.916.395	117.455.000	3.215.660.510
3	Các khoản phải thu khác	118.741.822	258.082.128	129.879.768
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(83.182.000)	(454.360.958)	(1.714.118.973)
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24.140.863.958</b>	<b>34.698.836.170</b>	<b>60.207.293.190</b>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)

Phải thu khách hàng là khoản phải thu phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

#### **Danh sách một số khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 30/09/2014**

*ĐVT: đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ phải thu đến 30/09/2014
1	Công ty CP hạ tầng Viễn thông CMC và Chi nhánh	1.434.542.147
2	Công ty Điện lực Cà Mau	748.055.000
3	Công ty Điện Lực Kiên Giang	408.650.000
4	Công ty Điện lực Sóc Trăng	532.417.050
5	Công ty Điện lực Bình Thuận	581.677.800

6	Công ty Điện lực Vĩnh Long	305.800.000
7	Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông	12.251.698.200
8	Công ty CP Công Nghệ và Truyền Thông Việt Nam	540.052.645
9	Công ty CP Viễn thông FPT và các chi nhánh	4.472.930.000
10	Viễn Thông An Giang	1.162.590.000
11	Viễn Thông Đà Nẵng	178.791.800
12	Viễn thông Tiền Giang	186.766.800
13	Viễn thông Trà Vinh	304.338.000
14	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	6.117.582.901
15	Tổng công ty Viễn thông Viettel – CN Tập đoàn Viễn thông Quân đội	12.936.000.000
16	Công ty Điện thoại Tây Thành Phố	496.650.000
17	Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	1.743.899.800
18	Công ty CP Điện tử Viễn thông Vinacap	2.677.246.000
19	Công ty TNHH MTV Cấp Quang (FOCAL)	143.000.000
20	King Technoligies Co.,Ltd	399.424.800
21	Viễn Thông Bình Dương	1.466.300.000
22	Viễn thông Đồng Nai và các trung tâm	1.093.345.000
23	Viễn thông Lâm Đồng	2.373.850.600
24	Các đơn vị khác	6.020.263.342
<b>Tổng cộng</b>		<b>58.575.871.885</b>

➤ **Các khoản phải trả**

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>17.774.078.602</b>	<b>49.961.695.852</b>	<b>66.180.749.298</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	7.598.307.801	15.654.938.923	39.987.451.232
2	Phải trả cho người bán	5.977.090.797	25.017.672.030	16.187.969.544
3	Người mua trả trước tiền	22.000.000	180.349.950	214.914.748
4	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	483.733.249	247.472.169	573.899.894
5	Phải trả cho người lao động	2.069.100.938	4.339.199.727	4.908.011.517
6	Chi phí phải trả	-	58.028.333	57.559.824
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.172.314.377	3.666.461.039	2.687.358.780
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	451.531.440	797.573.681	1.563.583.759
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.980.103.104</b>
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	1.980.103.104
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.774.078.602</b>	<b>49.961.695.852</b>	<b>68.160.852.402</b>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)

**Danh sách một số khoản phải trả cho người bán tại thời điểm 30/09/2014**
*DVT: đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ phải trả đến 30/09/2014
1	DNTN Anh Hòa	1.153.493.000
2	Công ty TNHH Kỹ Thuật Benta	373.736.000
3	Công ty TNHH MTV Cáp quang (Focal)	3.432.401.266
4	Công ty CP đầu tư Nhật Khánh	426.945.200
5	Công Ty TNHH Hóa Chất Long Long	716.933.415
6	Sumitomo Electric (Thailand)Ltd	1.255.511.124
7	Công ty Cổ Phần Dây&Cáp Điện Minh Tâm	92.400.000
8	Shanghai Yumu Machinery Co.Ltd	216.018.460
9	Southern wire industries (Malaysia) SDN BHD	1.537.969.257
10	Công Ty TNHH SX -TM & DV Huỳnh Đức	214.453.580
11	SCG Performance chemicals Co.,Ltd	1.587.076.200
12	Các đơn vị khác	5.181.032.042
<b>Tổng cộng</b>		<b>16.187.969.544</b>

**12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng 2014
<b>1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> (số liệu tại ngày 31/12 theo năm, tại ngày 30/09 theo báo cáo Quý III/2014)				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,36	1,57	1,48
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,70	0,97	1,00
<b>2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> (số liệu tại ngày 31/12 theo năm, tại ngày 30/09 theo báo cáo Quý III/2014)				
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	31,99	54,32	59,36
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	47,03	118,93	146,05
<b>3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,22	5,34	3,53
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bq)	Lần	1,57	2,02	1,41
<b>4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,66	5,36	5,01
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (bq)	%	15,01	20,03	16,44
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (bq)	%	10,48	10,83	7,05
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	6,78	6,08	5,50
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	1.715	2.596	2.367

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC Quý III/2014)*

**13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****13.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng**

	Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1952	020472395
2	Bà Hồ Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	1956	023147576
3	Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1964	271837058
4	Ông Nguyễn Văn Kiều	Thành viên HĐQT	1970	023067960
5	Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	1970	024423553
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	1968	025026802
2	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	1958	024178386
3	Bà Đinh Thị Hoài Bắc	Thành viên	1969	022214880
<b>III</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1964	271837058
2	Ông Bùi Vũ Vân Hòa	Phó Tổng giám đốc	1959	022722329
3	Ông Phạm Cừ	Phó Tổng giám đốc	1962	271478272
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Ông Trần Văn Dương	Kế toán Trưởng	1974	250632033

**13.2. Tóm tắt sơ yếu lý lịch****Hội đồng quản trị****a. Ông Phạm Ngọc Tuấn – Chủ tịch HĐQT**

- Số CMND : 020472395 ngày cấp 01/12/1999 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 13/11/1952
- Nơi sinh : Biên Hòa, Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Biên Hòa, Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú : 125D Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :



- + Từ 1991 - 1996 : Quản đốc xưởng Công ty Cổ phần TIE
- + Từ 1996 - 2001 : Phó giám đốc Công ty Cổ phần TIE
- + Từ 2001 - 2005 : Phó TGD thứ nhất Công ty Liên doanh Samsung-Vina
- + Từ 2005 - T7/2009 : Tổng GD Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT).
- + Từ 2010 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch Viện phát triển Quản trị & Công Nghệ mới (IMT)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 68.115 cổ phần (chiếm 2,21%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : Bà Phạm Ngọc Thúy Anh (con gái) nắm: 17.252 cổ phần (chiếm 0,56%)
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**b. Bà Hồ Thị Thu Hương – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Số CMND : 023147576 ngày cấp 16/07/2004 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 01/11/1959
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phước Tích, Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 135/37/55 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế Bưu điện
- Quá trình công tác :
  - + Từ 1979 - 1981 : Giáo viên Trường công nhân Bưu điện Đà Nẵng
  - + Từ 1981 – 1986 : Học đại học kinh tế bưu điện tại học viện Bưu chính viễn thông TP.HCM





- + Từ 1986 - 1990 : Nhân viên KHKD Nhà máy vật liệu Bưu điện, tiền thân Công ty CP SACOM
- + Từ 1990 - 1993 : Phó Quản đốc phân xưởng phụ trợ Nhà máy vật liệu Bưu điện, tiền thân Công ty CP SACOM
- + Từ 1993 - 1998 : Kế hoạch tổng hợp - Phó phòng kế hoạch kinh doanh, tiền thân Công ty CP SACOM
- + Từ 1998 – 2005 : Trưởng phòng KHKD Công ty CP SACOM
- + Từ 2005 nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư phát triển SACOM, Chủ tịch HĐQT Công ty CP VLĐ&VT Sam Cường, Tham gia đại diện quản lý vo61ntai5 các Công ty con của SACOM
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó TGD Công ty CP ĐT & PT SACOM  
Chủ tịch HĐQT Công ty CP địa ốc SAMLAND  
TV HĐQT Công ty TNHH MTV Dây và Cáp SACOM
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 20.034 cổ phần (chiếm 0,65%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**c. Ông Nguyễn Thiện Cảnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Số CMND : 271837058 Ngày cấp: 13/8/2003 Nơi cấp: Đồng Nai
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/01/1964
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : 80 Lê Thánh Tôn, Phường Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn : Đại Học Kinh tế
- Quá trình công tác :
  - + Từ 1985 - 1992 : Ủy ban Vật giá Đồng Nai
  - + Từ 1992 - 1993 : Xí nghiệp chế biến gỗ - Công ty Tín Nghĩa Đồng Nai
  - + Từ 1993 - T10/2006 : Công ty Cổ phần SACOM
  - + Từ 11/2006 – nay : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 147.086 cổ phần (chiếm 4,78%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : Ông Nguyễn Thiện Trường (Anh trai) nắm 5.122 cổ phần (chiếm 0,17%).
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**d. Ông Nguyễn Văn Kiêu – Thành viên HĐQT**

- Số CMND : 023067960 Ngày cấp: 04/01/2008 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/12/1970
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 11 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật
- Quá trình công tác :
  - + 1993 - 1997 : NV phòng kỹ thuật – NM Lưới thép Bình Tây Công ty thép Miền Nam



- + 1998 - 2002 : NV phòng kỹ thuật – Cty CP Cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM
- + 2002 - 2003 : Phụ trách xưởng Dây Đồng – Cty CP cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM
- + 2003 – 2004 : Phó GD XNSX Cáp Viễn thông – Cty CP cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM
- + 2004 – 2005 : Phó phòng đầu tư – Cty CP cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM
- + 2006 – 2009 : Phó tổng giám đốc – Cty Liên doanh cáp Taihan – SACOM
- + 2009 – 2011 : Phó tổng giám đốc – Cty CP cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM
- + 2011 đến nay : Phó tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và phát triển SACOM, kiêm TGD Cty TNHH MTV Dây và Cáp SACOM
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
  - Phó tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và phát triển SACOM, kiêm TGD Cty TNHH MTV Dây và Cáp SACOM
  - Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Dây và Cáp SACOM
  - Thành viên HĐQT Công ty LD cáp Taihan – Sacom
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Sam Phú
  - Thành viên HĐQT Công ty SACOM-Chíp Sáng
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần đại diện CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM : 1.001.700 cổ phần (chiếm 32,54%)
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**e. Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên HĐQT**

- Số CMND : 024423553 ngày cấp: 20/9/2005 Nơi cấp: TP.HCM

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/05/1970
- Nơi sinh : Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : 245/22 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác :
  - + Từ T11/1993 - T12/1996 : Công tác tại Trung tâm tin học hoá quản lý INFOBUS
  - + Từ 01/1997 - T06/1999 : Công tác tại Công ty LD cơ khí SOECON-MEVERFA
  - + Từ T07/1999 – nay : Làm việc tại Công ty cổ phần SACOM qua các chức vụ kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán và nay là Kế toán trưởng.
- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT - Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty CP SACOM
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 2.671 cổ phần (chiếm 0,09%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

#### **Ban kiểm soát**

##### **f. Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Trưởng Ban kiểm soát**

- Số CMND : 025026802 Ngày cấp: 18/11/2008 Nơi cấp: CA. TP.HCM
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 05/07/1968



- Nơi sinh : Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 95 Huỳnh Đình Hai, phường 14, Quận Bình Thạnh
- Số điện thoại liên lạc : 0913684148
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác :
  - +
    - + Từ T04/1987 - T02/1991 : Cty Thu mua & Chế biến hải sản tỉnh Bà Rịa Vũng tàu.
    - + Từ 02/1992 - T03/1994 : Cty Vàng bạc đá quý trực thuộc Ngân hàng nhà nước tỉnh Bà Rịa Vũng tàu.
    - + Từ T04/1994 – T9/1995 : Cty Dịch vụ đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng tàu.
    - + Từ T10/1995 - T03/1998 : Cty Du lịch tỉnh Bà Rịa Vũng tàu
    - + Từ T04/1998 - T01/2007 : Bưu điện tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
    - + Từ 02/2007 – T12/2013 : Cty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM
  - + T1/2014 đến nay : Cty cổ phần địa ốc Sacom (Samland)
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó TGĐ Cty cổ phần địa ốc Sacom (Samland)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 0 cổ phần
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**g. Ông Nguyễn Xuân Thắng – Thành viên Ban kiểm soát**

- Số CMND : 024178386 ngày cấp 24/10/2003 Nơi cấp: TP.HCM



- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/12/1958
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Tài Lương – Xã Triệu Tài – Huyện Triệu Hải – Tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : 170/27/9 Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản Trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - + Từ 1/1977 – T08/1981 : Nhân viên Trung tâm Bưu chính và PHBC Bưu điện tỉnh Bình Trị Thiên
  - + Từ T9/1981 - T12/1982 : Học văn hóa và học nghiệp vụ tại Trường Bưu điện Trung ương 2 – TP.HCM
  - + Từ 1983-1987 : Học Đại học tại trường Bưu điện TW
  - + Từ T2/1988 - T01/1990 : Công tác tại Nhà máy Vật liệu Bưu điện 2
  - + Từ T2/1990- T08/2008 : Công tác tại nhà máy Cáp và Vật liệu viễn thông KCN Biên hòa, Đồng Nai ( nay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển SACOM)
  - + Từ 09/2008 – nay : Giám đốc Trung tâm kinh doanh 3 – Công ty CP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường.
- Chức vụ công tác hiện nay : Trợ lý Tổng giám đốc, CV Kiểm soát nội bộ, Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**h. Bà Đinh Thị Hoài Bắc – Thành viên Ban kiểm soát**

- Số CMND : 02214880 Ngày cấp 03/06/2010 Nơi cấp:

- CA.TP.HCM
- Giới tính : Nữ
  - Ngày sinh : 16/09/1969
  - Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Dân tộc : Kinh
  - Quê quán : Tp. Hồ Chí Minh
  - Địa chỉ thường trú : 6/4, Đường 17, P.Long Thạnh Mỹ, Q9, TP.HCM
  - Trình độ văn hoá : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
  - Quá trình công tác :
    - + Từ 1989-1997 : Kế toán nhà máy Cáp & Vật liệu Viễn thông
    - + Từ 1997-T09/2012 : Phòng kế toán Công ty CP Đầu tư và Phát triển SACOM
    - + Từ 10/2012 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Sacom- Chíp Sáng
  - Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
    - Trưởng BKS Công ty CP Nhựa Sam Phú
    - Thành viên BKS Công ty TNHH MTV Dây & Cáp Sacom
    - Kế toán trưởng Công ty TNHH Sacom – Chíp sáng
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
    - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 2.226 cổ phần (chiếm 0,07%)
    - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
    - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
  - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

### **Ban Tổng giám đốc**

#### **i. Ông Nguyễn Thiện Cảnh - Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT**

(Lý lịch đã trình bày ở mục c)

**j. Ông Bùi Vũ Vân Hòa - Phó Tổng giám đốc**

- Số CMND : 022722329 ngày cấp 14/08/2003 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/11/1959
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 46/1/58 Vườn Chuối, Phường 4, Quận 3, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện tử viễn thông
- Quá trình công tác :
  - + Từ 1977 - 1982 : Bộ đội, tiểu đoàn 8, trung đoàn 31, sư 309
  - + Từ 1983 - 1989 : Đại học Bách Khoa TPHCM
  - + Từ 1990 – 1999 : Cán bộ KT của Công ty Vesco II, Siscom, trường Hoa Sen TpHCM
  - + Từ 2000 - 2006 : XN Vật liệu Viễn thông - Công ty cổ phần SACOM
  - + Từ 2006 - nay : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 40.791 cổ phần (chiếm 1,33%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : Ông Bùi Vũ Vân Kỳ (Em trai) nắm giữ 56 cổ phần (chiếm 0,002%)
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**k. Ông Phạm Cử - Phó Tổng giám đốc**

- Số CMND : 271478272 Ngày cấp 09/03/2010 Nơi cấp: CA. Đồng Nai
- Giới tính : Nam





- Ngày sinh : 20/01/1962
- Nơi sinh : Hương Xuân – Hương Điền – Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 507, Cư xá 5 tầng, QL1, P.Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Vật lý
- Quá trình công tác :
  - + Từ 25/12/1995- 15/04/2011 : Công ty viễn thông VTC
  - + Từ 02/05/2011 – nay : Công ty CP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 6.558 cổ phần (chiếm 0,21%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

### **Kế toán Trưởng**

#### **I. Ông Trần Văn Dương - Kế toán Trưởng**

- Số CMND : 250632033 ngày cấp: 05/06/2002 Nơi cấp: Lâm Đồng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/04/1974
- Nơi sinh : Bạch Long, Giao Thủy, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạch Long, Giao Thủy, Nam Định

- Địa chỉ thường trú : Số 2 Thông Thiên Học, Phường 2, Đà Lạt, Lâm Đồng
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác :
  - + Từ T04/1996 - T06/2007 : Nhân viên kế toán, Kế toán tổng hợp, Phó phòng kế toán Công ty Viễn thông Bưu điện tỉnh Lâm Đồng
  - + Từ T07/2007 – nay : Nhân viên kế toán, Phó kế toán trưởng và nay là Kế toán trưởng Công ty CP VLD&VT Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển SACOM
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
  - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 12.153 cổ phần (chiếm 0,39%)
  - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
  - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

#### 14. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình, vô hình, thuê tài chính của Công ty theo Báo cáo tài chính tính đến thời điểm 30/09/2014 được thể hiện như sau:

				<i>DVT: đồng</i>	
STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG	
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>25.884.792.240</b>	<b>10.102.707.496</b>	<b>39,03%</b>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.158.574.487	4.648.872.760	56,98%	
2	Máy móc thiết bị	15.069.922.257	4.388.269.263	29,12%	
3	Phương tiện vận tải	2.539.637.496	1.046.227.970	41,20%	
4	Dụng cụ quản lý	116.658.000	19.337.503	16,58%	
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>5.636.455.564</b>	<b>4.600.250.424</b>	<b>81,62%</b>	
1	Quyền sử dụng đất	5.461.580.464	4.600.250.424	84,23%	
2	Phần mềm	89.925.600	-	-	
3	Khác	84.949.500	-	-	
<b>III.</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	-	-	-	
<b>Cộng</b>		<b>31.521.247.804</b>	<b>14.702.957.920</b>	<b>46,64%</b>	

(Nguồn: BCTC Quý III/2014)

**📌 Danh sách nhà cửa, vật kiến trúc (Tình hình đất đai)**

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
1	KCN Long Thành, đường số 01, Xã Tam An, H.Long Thành, T.Đồng Nai, Việt Nam	12.709,6	Đất khu CN dùng để xây dựng Nhà kho, nhà xưởng và văn phòng làm việc.	Thuê lại của KCN Long Thành với thời hạn 47 năm. Công ty được cấp giấy CNQSD
2	Áp 7, Xã Tam Phước, TP.Biên Hòa, Đồng Nai	420	Đất ở mua lại của dân dùng để xây nhà tập thể	Công ty được cấp giấy CNQSD

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường)

**15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Năm 2014	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2013
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	148,99	180	20,81%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,99	9	12,61%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,36	5	-6,79%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,03	19,03	-3,64%
Cổ tức	%	12	12	0%

Mức cổ tức dự kiến năm 2014 là 12% (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 21/03/2014 dựa trên mức vốn điều lệ tại thời điểm ra nghị quyết).

**📌 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Để đưa ra chỉ tiêu kế hoạch như trên, Ban lãnh đạo đã nhận định về môi trường kinh doanh và đánh giá thời cơ, thách thức của Công ty trong năm 2014:

➤ *Về môi trường*

Tình hình kinh tế nói chung có những dấu hiệu tích cực song chưa thể đột biến và còn tồn tại nhiều khó khăn:

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP dự báo ở mức thấp khoảng 5,6%, tỷ giá vẫn có khả năng biến động và nguy cơ lạm phát dự báo ở mức 7%-8%. Vẫn còn sức ép và khó khăn về việc giải quyết nợ xấu, tính thanh khoản của các ngân hàng thương mại.
- Với tình hình chính trị ổn định, Việt Nam vẫn là điểm đến của các nhà đầu tư nước ngoài và đó sẽ là yếu tố kích thích nền kinh tế phát triển kéo theo sự đầu tư về mạng viễn thông và cơ sở hạ tầng ngành điện.

- Về tâm lý xã hội: xu hướng tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ viễn thông với đường truyền chất lượng cao là cơ hội cho việc phát triển các sản phẩm của công ty.
- Về công nghệ: sự ổn định về công nghệ truyền dẫn quang dẫn đến sự tăng trưởng về nhu cầu sử dụng là rất lớn do suất đầu tư/1 thuê bao giảm, đó cũng là yếu tố kích thích cho doanh thu cấp quang tiếp tục phát triển.

➤ *Cơ hội*

Nhu cầu của thị trường về các sản phẩm do Công ty sản xuất là rất lớn trong đó 2 sản phẩm chính là tủ điện composite và dây thuê bao quang, là do:

- + Việc nâng cấp, sửa chữa thường xuyên mạng viễn thông vẫn diễn ra hàng năm.
- + Phát triển mới hệ thống mạng lưới điện lực và nhu cầu thay thế luôn có nhu cầu cao và ổn định.

➤ *Thách thức*

- Đòi hỏi của khách hàng về chất lượng sản phẩm ngày càng cao.
- Sự cạnh tranh cao dẫn đến giá bán giảm mạnh.
- Chi phí duy trì nguồn nhân lực trên thị trường tăng.
- Tỷ giá tiền ẩn biến động khó lường, nguồn nguyên liệu chủ yếu nhập khẩu sẽ tạo ra nhiều khó khăn trong việc giảm giá thành sản phẩm khi giá hàng nhập khẩu ngày càng có xu hướng tăng cao nhất là nhựa và sợi quang.

➤ *Điểm mạnh*

- Chất lượng sản phẩm và thương hiệu của Công ty ngày càng nâng cao.
- Đội ngũ ngày càng có kinh nghiệm, chuyên môn được nâng cao và có ý thức trong sản xuất kinh doanh; đã từng bước xây dựng hình thành văn hoá doanh nghiệp; nội bộ đoàn kết thống nhất.

➤ *Điểm yếu*

- Vốn ít dẫn đến chi phí tài chính cao là một thách thức lớn cho năm 2014.
- Hệ thống quản lý, hệ thống chính sách chưa mạnh.
- Năng lực quản lý còn hạn chế chưa theo kịp với sự phát triển của Công ty.
- Hệ thống máy móc thiết bị còn lạc hậu, thời gian sử dụng đã lâu.

Từ những nhận định cơ hội, thách thức trong năm 2014, Công ty đã đề ra một số giải pháp hành động cụ thể để đạt được những chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đặc biệt chú trọng đến những giải pháp sau :

- ◆ Tìm nguồn tài chính bổ sung cho hoạt động SXKD và nâng cao công tác thu hồi nợ.

- ◆ Hoàn thành việc ban hành mã sản phẩm mới để đặt nền tảng cho việc triển khai thương mại điện tử nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.
- ◆ Nâng cao năng lực cho lực lượng cán bộ kỹ thuật để đổi mới sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- ◆ Hoàn thiện tổ chức Nhà máy và nâng cao năng lực quản lý sản xuất.
- ◆ Chú trọng công tác đào tạo xây dựng đội ngũ.
- ◆ Hoàn thiện *Quy chế lương mới* và *Hệ thống đánh giá* để hỗ trợ cho việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới hiệu suất cao .
- ◆ Gắn gũi với khách hàng, nâng cao năng lực thu hút, giữ chân, khai thác và phát triển khách hàng mới

### **16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường là một trong những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trong ngành, với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

### **17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SMT.

Theo kế hoạch tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua, toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm sẽ được lưu ký và niêm yết bổ sung ngay sau khi

kết thúc đợt chào bán. Thời gian dự kiến đưa cổ phần phát hành thêm vào giao dịch là trong năm 2014.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán**

Không có

**V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 923.445 cổ phần
- Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phần
- Phương pháp tính giá:**

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp Giá trị sổ sách của cổ phiếu SMT tại thời điểm 31/03/2014
- Phương pháp lấy bình quân giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu SMT bình quân 20 phiên gần nhất từ ngày 05/05/2014 đến ngày 30/05/2014.

**❖ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2014:**

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2014} &= \text{số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ} \\ &= 3.078.153 - 0 = 3.078.153 \text{ cổ phần} \end{aligned}$$

**❖ Giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách của cổ phiếu SMT tại thời điểm 31/03/2014 theo BCTC Quý I năm 2014:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/03/2014 (mệnh giá 10.000 đồng, vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 31/03/2014 là: 30.781.530.000 VNĐ).

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{40.955.562.193 - 4.654.650.216}{3.078.153} = \mathbf{11.793 \text{ đồng/cp}} \end{aligned}$$

- ❖ **Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu SMT bình quân 20 phiên gần nhất từ ngày 05/05/2014 đến ngày 30/05/2014 là 13.840 đồng/cổ phần** (Nguồn lấy theo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

- ❖ **Kết luận**

Phương pháp	ĐVT	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp Giá trị sổ sách	Đồng	11.793	80%
Giá trị thị trường bình quân 20 phiên gần nhất	Đồng	13.840	20%
<b>Trung bình gia quyền</b>	<b>Đồng/cổ phiếu</b>	<b>12.202</b>	<b>100%</b>

Giá cổ phiếu tính theo 2 phương pháp trên được làm tròn là: 12.202 đồng/cp. Tuy nhiên, xét theo yếu tố thận trọng, tính thanh khoản hiện tại của cổ phiếu trên thị trường, và khả năng thành công của đợt phát hành đồng thời phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. **Giá chào bán của cổ phiếu SMT được xác định là 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết HĐQT số 16/2014/NQ-HĐQT ngày 02/06/2014.**

## 6. Phương thức phân phối

- Đối với nhà đầu tư đã lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu.
- Đối với nhà đầu tư chưa lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường.

## 7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng từ Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Dự kiến thực hiện: trong năm 2014.

**Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:**

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK	T	SMT, FPT
2	Công bố thông tin theo quy định	T đến T + 7	SMT, FPT
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.	T+3 đến T+18	SMT
4	Chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	T + 18 đến T + 34	SMT, FPT
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T+ 18 đến T + 40	NDT
6	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu	T + 42 đến T + 52	SMT

	có)		
7	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T + 53 đến T + 60	SMT
8	Hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung	T + 80	SMT, FPTS
9	HNXchấp thuận đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành	T + 80	SMT
10	Cổ phiếu phát hành chính thức giao dịch	T+ 82 đến T+90	SMT

*(Ghi chú: T được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).*

## **8. Đăng ký mua cổ phiếu**

- **Đối tượng:** Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10 : 3 .*(Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua thì được mua 03 cổ phần phát hành thêm. Số cổ phần mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị).*
- **Thời hạn:** Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Kể từ ngày cổ đông hiện hữu nhận được thông báo quyền mua, cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua trong thời hạn 22 ngày làm việc tại: *Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký cổ phiếu), và tại trụ sở của Công ty cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường (đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký).* Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- **Số lượng:** Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 923.445 cổ phần
- **Phương thức thanh toán**
  - Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký cổ phiếu (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): thanh toán bằng chuyển khoản tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
  - Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: thanh toán bằng tiền mặt/chuyển khoản theo tài khoản của Công ty cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cung cấp.
- **Chuyển giao cổ phiếu**

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.
- **Quyền lợi người mua cổ phiếu**

Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phần mới. Số cổ phần mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.



Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng một lần trong thời gian thực hiện quyền.

- **Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:** 01 cổ phần.

## **9. Phương thức thực hiện quyền**

- **Điều kiện, thời gian thực hiện quyền**

- Điều kiện thực hiện quyền: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua thì sẽ được mua 03 cổ phần mới.
- Thời gian thực hiện quyền: Trong thời gian 22 ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

- **Tỷ lệ thực hiện quyền**

Tỷ lệ thực hiện quyền là 10 : 3 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua thì được mua 03 cổ phần phát hành thêm. Số cổ phần mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

**Ví dụ:** Cổ đông A sở hữu 253 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A sẽ được nhận thêm quyền mua  $253/10*3 = 75,9$  cổ phần mới, số lượng 0,9 cổ phần lẻ sẽ hủy bỏ. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 75 cổ phần mới.

- **Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền**

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

- **Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần**

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

## **10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Cổ phiếu SMT đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào một công ty niêm yết là 49%. Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 22/01/2014, số lượng cổ phiếu của Công ty do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 390.717 cổ phần chiếm 12,69% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty dự kiến sẽ tăng lên 40.015.980.000 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

### **11. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)**

Công ty xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có), cụ thể như sau:

- Chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) cho các đối tượng là cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt, cán bộ công nhân viên công ty, các đối tác, khách hàng hiện tại tiềm năng của công ty, các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.
- Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời điểm phát hành cổ phiếu cho đối tượng khác được thực hiện ngay khi có kết quả chào bán cho cổ đông hiện hữu.

### **12. Phương án xử lý trong trường hợp không thu hồi đủ vốn theo phương án phát hành (nếu có):**

Trong trường hợp kết thúc đợt chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không thu đủ như dự kiến phương án phát hành, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện xin gia hạn đợt chào bán nhằm thu được vốn theo phương án phát hành. Nếu sau khi gia hạn, Công ty vẫn không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, không thu đủ vốn như dự kiến trong phương án phát hành, thì vốn điều lệ mới sẽ đăng ký căn cứ theo số cổ phiếu thực tế phát hành và Công ty sẽ chủ động cân đối nguồn vốn theo nhu cầu thực tế.

### **13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

### **14. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)**

- + Công ty đang hưởng ưu đãi thuế đối với các sản phẩm sản xuất theo quy định trong thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 và thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004, công ty được hưởng ưu đãi thuế: Thuế suất 15% trong 12 năm, Miễn thuế TNDN trong 3 năm đầu, Giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ 05 Công ty được hưởng mức thuế suất 15% và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Các hoạt

động thương mại ngoài các sản phẩm do công ty sản xuất, sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 22%.

- + Thuế Giá trị gia tăng: tùy từng mặt hàng cụ thể chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.
- + Thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân và một số loại thuế khác tuân thủ luật thuế hiện hành.

### **15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản: **Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường**
- Số tài khoản: 033.100.0123456
- Ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Bến Thành, TP.HCM
- Địa chỉ: 69 Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại: 84-8 3835 9323      Fax: 84-8 3832 5041

## **VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

**1. Mục đích chào bán:** đợt tăng vốn điều lệ từ **30.781.530.000** đồng lên **40.015.980.000** đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **2. Phương án khả thi**

#### **➤ Sự cần thiết bổ sung vốn lưu động**

Trên cơ sở đánh giá và phân tích năng lực cạnh tranh cũng như điểm yếu, điểm mạnh, thách thức và cơ hội của SMT, việc cân đối lại cơ cấu vốn nâng cao năng lực tài chính và tìm kiếm nguồn vốn hợp lý phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thực sự cần thiết trong thời điểm hiện nay. Với kế hoạch kinh doanh đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thì nguồn vốn tài trợ từ lợi nhuận giữ lại và khấu hao không đủ đáp ứng nhu cầu, do đó để đạt được kế hoạch đề ra: Doanh thu thuần: 180 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 9 tỷ đồng đòi hỏi Công ty phải có nguồn vốn ổn định, không chịu gánh nặng lớn về chi phí tài chính. Bên cạnh đó, năng lực tài chính Công ty cần được cải thiện với sự kết hợp hài hòa giữa vốn vay và vốn chủ sở hữu, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2013 là 118,93% rất cao trong khi hệ số nợ/VCSH năm 2012 chỉ 47,03%, điều này cho thấy nhu cầu về vốn của Công ty cao. Bên cạnh đó, việc phát hành sẽ điều chỉnh lại cơ cấu vốn làm giảm áp lực về chi phí lãi vay từ nguồn vốn vay. Do vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu nhằm bổ sung thêm một phần nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty là rất cần thiết. Cụ thể năm 2014, nhu cầu vốn của Công ty là:

Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Doanh thu thuần (theo kế hoạch 2014)	180.000.000.000	theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014
Vòng quay vốn lưu động 2014 (= Doanh thu thuần/vốn lưu động bình quân)	2,2 vòng/năm	
<b>Tổng nhu cầu vốn lưu động dự kiến</b>	<b>81.818.181.000</b>	
Vốn lưu động hiện tại, bao gồm:		
• Nguồn tài trợ từ nguồn vốn vay + nguồn vốn chiếm dụng được + lợi nhuận phát sinh dự kiến năm 2014	72.583.731.000	
• Vốn tự có (*)		
<b>Vốn lưu động dự kiến huy động từ đợt tăng vốn</b>	<b>9.234.450.000</b>	

(\*) Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty chủ yếu sử dụng để tài trợ TSCĐ dài hạn. Trong năm 2014, Công ty có kế hoạch đầu tư thêm tài sản cố định, do đó, nguồn vốn tự có sử dụng để tài trợ vốn lưu động rất ít.

#### ➤ **Kết luận về nhu cầu vốn**

Như phân tích như trên, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, nâng cao năng lực tài chính. Công ty dự kiến phải huy động thêm **9.234.450.000** đồng là phù hợp với nhu cầu thực tế về nguồn vốn để hoạt động kinh doanh.

## **VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua ngày 21/03/2014, số vốn thu được dự kiến là 9.234.450.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Kế hoạch sử dụng số tiền thu được**

- + Mục đích sử dụng : Bổ sung vốn lưu động
- + Số tiền dự kiến thu được : 9.234.450.000 đồng
- + Thời gian giải ngân dự kiến : trong năm 2014

### **2. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn**

Nguồn vốn huy động qua đợt chào bán tùy thuộc vào biến động của nền kinh tế, biến động ngành Viễn thông và Điện lực nói chung và thị trường chứng khoán. Do vậy trong trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến phát hành, Hội đồng quản trị Công ty sẽ chủ động cân đối lại nguồn vốn sao cho hợp lý hoặc đưa ra một phương án xử lý thích hợp.

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Tổ chức Phát hành

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**

Địa chỉ : Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (061) 351 4277/ (061) 351 4279 Fax: (061) 351 4276

Email : [cbtt@sametel.com.vn](mailto:cbtt@sametel.com.vn)

Website : <http://sametel.com.vn>

#### **Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Số 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3551 3731 / (08) 3551 3732 Fax: (08) 3551 3735

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### **Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3910 3908/(08) 3910 4881 Fax: (08) 3910 4880

Website : <http://aascn.com.vn>

### 3. Tổ chức tư vấn

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (FPTS)**

Địa chỉ : Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058

Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

#### **Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

#### **✚ Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được bổ sung nguồn vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Với mức giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần (*thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu SMT*) đây là một mức giá tương đối hấp dẫn, đồng thời đối tượng của đợt chào bán của đợt phát hành là cổ đông hiện hữu của Công ty nên người được quyền mua cổ phiếu

hiểu rất rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như ban lãnh đạo công ty. Vì vậy, đợt tăng vốn này của SMT có khả năng thành công cao. Nếu không có các diễn tiến thất thường gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

## IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán
4. **Phụ lục IV:** Các báo cáo tài chính
5. **Phụ lục V:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, KTT
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu khác.



Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2014

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Phạm Ngọc Tuấn**

**Nguyễn Thiện Cảnh**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Trần Văn Dương**

**Phạm Thị Thanh Thủy**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
– CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN VĂN TRUNG**